TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1732/2026/DS-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Sơn

2. Ông Nguyễn Trung Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Chi, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1200/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 894/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ: 266-268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K - sinh năm 1987 - là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 2758/2025/UQ-TGĐ ngày 24/4/2025).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1976; Địa chỉ: 888/67/6 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Ngày 21/6/2022, bà Nguyễn Thị Thanh H có ký với Ngân hàng S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, nội dung cấp tín dụng cho bà H với hạn mức 20.000.000 đồng, loại thẻ visa, lãi suất thay đổi theo từng thời kì, lãi suất trong hạn 2.482%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện giao dịch, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí

trong sao kê tóm tắt. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.190.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 06/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là 20.155.548 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 3.723%/tháng (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại 2.482%/tháng). Ngày 30/6/2023, bà H có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 950.000 đồng Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 13/4/2025 là 36.919.089 đồng (trong đó bao gồm dư nợ gốc 19.205.548 đồng, lãi quá hạn 17.713.541 đồng) và trả lãi phát sinh từ ngày 14/4/2025 cho đến khi trả xong khoản vay nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Nhật Kinh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là 48.216.405 đồng, trong đó: nợ gốc: 19.205.548 đồng; lãi quá hạn: 29.010.857 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự. Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Ngân hàng S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Thanh H tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn do ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đến trình

bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh H (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ bảng sao kê tài khoản thẻ chi tiết gốc, lãi do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là 48.216.405 đồng, trong đó: nợ gốc: 19.205.548 đồng; lãi quá hạn: 29.010.857 đồng (theo mức lãi suất nợ quá hạn 3.723%/tháng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 48.216.405 đồng. Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 48.216.405 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh H (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2025;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 48.216.405 (Bốn mươi tám triệu, hai trăm mười sáu ngàn, bốn trăm lẻ năm) đồng, trong đó: nợ gốc: 19.205.548 đồng; lãi quá hạn: 29.010.857 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh H (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Thanh H (kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.410.820 (Hai triệu, bốn trăm mười ngàn, tám trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 922.977 (Chín trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm bảy mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037258 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- VKSND KV4-TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Phòng THADS KV4-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai Phương